

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-02-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công.

Bà Nguyễn Thị Ái Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Tạo – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1985, có mặt.

Nơi cư trú: ấp Z, xã Y, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Võ Đức Thanh T, sinh năm 1980, vắng mặt.

Nơi thường trú: ấp X, xã W, huyện V, tỉnh Tiền Giang.

Nơi tạm trú: ấp Z, xã Y, huyện B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Bà Q và ông T tự nguyện sống chung và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã W, huyện V, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 55/2014, quyển số 01/2014 ngày 22 tháng 8 năm 2014. Sau khi kết hôn, bà Q và ông T sống tại ấp Z, xã Y, huyện B, tỉnh Bình Dương. Quá trình

sống chung, bà Q và ông T sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, ông T thường xuyên đi uống rượu, không quan tâm chăm sóc gia đình. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2015, mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào năm 2016 phải nhờ công an can thiệp do ông T uống rượu về quậy phá gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung: bà Q và ông T có 01 người con chung là Võ Nguyễn Quốc T, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2014. Cháu T đang sinh sống cùng với bà Q. Khi ly hôn, bà Q yêu cầu tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu T. Bà Q không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thị Q; giấy chứng minh nhân dân, sổ tạm trú mang tên Võ Đức Thanh T; giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh mang tên Võ Nguyễn Quốc T (bản sao).

Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho ông T do ông T thường xuyên vắng nhà. Theo kết quả xác minh ngày 30 tháng 10 năm 2017 tại Công an xã Y, huyện B, tỉnh Bình Dương: ông T có đăng ký tạm trú tại ấp Z, xã Y, huyện B, tỉnh Bình Dương, ông T vẫn còn sinh sống tại địa chỉ trên. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của ông T, trụ sở Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B, tỉnh Bình Dương và trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, ông T không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà Q xin ly hôn và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 12 tháng 10 năm 2017 giữa bà Q và ông T được biết: bà Q và ông T là vợ chồng. Sau khi kết hôn, bà Q và ông T sống tại ấp Z, xã Y, huyện B, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Quá trình sống chung, bà Q và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông T không quan tâm chăm sóc gia đình và thường xuyên đi uống rượu về quậy phá gia đình, bà Q phải nhờ Công an can thiệp.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không kiến nghị khác phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: yêu cầu khởi kiện của bà Q về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; ông T có nơi cư trú tại ấp Z, xã Y, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng vẫn vắng mặt, cố tình không đến Tòa án làm việc là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: bà Q và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã W, huyện V, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2014, quyển số 01/2014 ngày 22 tháng 8 năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông T là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Q yêu cầu ly hôn với ông T vì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, ông T thường xuyên đi uống rượu, không quan tâm chăm sóc gia đình. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào năm 2016 phải nhờ công an can thiệp do ông T uống rượu về quậy phá gia đình. Vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bỏ mặc nhau, mạnh ai nấy sống.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi nguyên đơn và bị đơn cư trú được biết: bà Q và ông T là vợ chồng. Sau khi kết hôn, bà Q và ông T sống tại ấp Z, xã Y, huyện B, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Quá trình sống chung, bà Q và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông T không quan tâm chăm sóc gia đình và thường xuyên đi uống rượu về quậy phá gia đình bà Q phải nhờ Công an can thiệp vào năm 2016. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Q đối với ông T là có căn cứ để chấp nhận và phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: bà Q và ông T có 01 người con chung là cháu Võ Nguyễn Quốc T, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2014, bà Q yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Thái. Xét thấy, cháu T hiện đang sống ổn định với bà Q từ khi bà Q và ông T ly thân. Do đó,

tiếp tục giao cháu T cho bà Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T thành niên là chính đáng và phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà Q không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Q đối với ông T được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, các Điều 57 và 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Võ Đức Thanh T.

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Q được ly hôn với ông Võ Đức Thanh T.

Về con chung: giao cháu Võ Nguyễn Quốc T, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2014 cho bà Nguyễn Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Q không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Đức Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Q và ông Võ Đức Thanh T không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002648 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- UBND xã W, huyện V, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Minh Thảo